

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 tháng 01 năm 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST-HN, ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Cao Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Trương Đăng S, sinh năm 1990

- Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ.

Địa chỉ: Số A N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị T – Chủ tịch hội đồng quản trị - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 24/4/2023, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Cao Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Trương Đăng S, đăng ký kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu **Trương Đăng Q**, sinh ngày 20/3/2018 hiện đang sống cùng anh **S** và cháu **Trương Thu K**, sinh ngày 20/10/2012 hiện đang sống cùng chị **N**.

Về tài sản chung: Chị **N** và anh **S** tạo lập được các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 278 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 451976, do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 14/7/2022; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 132 tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 425108, do **Ủy ban nhân dân huyện Đ** cấp ngày 08/12/2009; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 148 tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 27753, do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 04/7/2019.

Về nợ chung: Ngày 17/8/2022, chị **N** và anh **S** ký hợp đồng tín dụng số 0574/22/HĐTD với **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** để vay số tiền là 550.000.000đồng.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai đều không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, ngoài ra còn phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, hiện chị **N** và anh **S** đã sống ly thân với nhau. Chị **N** nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với anh **S**, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết.

Về yêu cầu khởi kiện: Chị **N** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **N** được ly hôn với anh **S**, về con chung: Chị **N** có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu **Trương Thu K**, sinh ngày 20/10/2012, không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu **Trương Đăng Q**, sinh ngày 20/3/2008 cho anh **S** được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ngày 20/11/2023, chị **Cao Thị N** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết về việc phân chia tài sản chung và nợ chung.

Ngày 16/01/2024, chị **Cao Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết và tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

2. Bị đơn anh Trương Đăng S: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo hòa giải đoàn tụ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh **Trương Đăng S** nhưng anh **S** đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ trình bày:**

Ngày 17/8/2022, **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** và chị **Cao Thị N**, anh **Trương Đăng S** ký hợp đồng tín dụng số 0574/22/HĐTD với nội dung: Số tiền

vay là 550.000.000đồng, lãi suất vay là 11,8%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, khi vay anh **S** và chị **N** đã thế chấp các tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 132 tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 425108, do **Ủy ban nhân dân huyện Đ** cấp ngày 08/12/2009; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 148 tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 27753, do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 04/7/2019.

Ngày 23/10/2023, **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc anh **Trương Đăng S** và chị **Cao Thị N** thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 23/10/2023 là 561.913.200đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 24/10/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ. Trường hợp anh **S**, chị **N** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp.

Ngày 20/11/2023, **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị **Cao Thị N** đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Cao Thị N**.

Về hôn nhân: Chị **Cao Thị N** được ly hôn với anh **Trương Đăng S**.

Về con chung: Giao cháu **Trương Thư K**, sinh ngày 20/10/2012 cho chị **Cao Thị N** được quyền nuôi dưỡng. Giao cháu **Trương Đăng Q**, sinh ngày 20/3/2008 cho anh **Trương Đăng S** được quyền nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Cao Thị N** không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Cao Thị N** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc phân chia tài sản chung và nợ chung; **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** có đơn xin rút yêu cầu độc lập đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản

chung và nợ chung, đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về án phí: Chị **Cao Thị N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, hoàn trả cho chị **N** số tiền tạm ứng án phí còn lại. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân **thị trấn Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về pháp luật tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị **Cao Thị N** yêu cầu ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con khi ly hôn với anh **Trương Đăng S**. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ngày 20/11/2023, chị **Cao Thị N** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc phân chia tài sản chung và nợ chung; ngày 20/11/2023, **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** có đơn xin rút yêu cầu độc lập đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh **Trương Đăng S** có địa chỉ cư trú tại **thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị **Cao Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh (**Trương Đăng S**) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (**Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ**) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Cao Thị N** và anh **Trương Đăng S** kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Chị **N** trình bày vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ lúc lấy nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai đều không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, ngoài ra còn phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, hiện nay chị **N** và anh **S** đã sống ly thân với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **S** là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu

thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Cao Thị N**.

[2.2] Về con chung: Chị **N** và anh **S** có 02 con chung là cháu **Trương Đăng Q**, sinh ngày 20/3/2018 hiện đang sống cùng anh **S** và cháu **Trương Thư K**, sinh ngày 20/10/2012 hiện đang sống cùng chị **N**. Chị **N** có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu **Trương Thư K**, sinh ngày 20/10/2012 và đồng ý giao cháu **Trương Đăng Q**, sinh ngày 20/3/2018 cho anh **S** tiếp tục nuôi dưỡng. Mặc dù anh **S** không đến Tòa án làm việc, không đưa ra quan điểm của mình đối với việc nhận nuôi con chung, nhưng xét nguyện vọng của cháu **Trương Thư K** là được sống cùng chị **N** còn cháu **Trương Đăng Q** đang sống cùng anh **S** nên có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn thì cháu **Q** được sống cùng với anh **S** và chị **N** cũng đồng ý giao cháu **Q** cho anh **S** tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu **Trương Thư K**, sinh ngày 20/10/2012 cho chị **Cao Thị N** được quyền nuôi dưỡng. Giao cháu **Trương Đăng Q**, sinh ngày 20/3/2008 cho anh **Trương Đăng S** được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Ngày 20/11/2023, chị **Cao Thị N** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết về việc chia tài sản chung và nợ chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung.

[5] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngày 20/11/2023, **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập. Việc rút yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Về án phí: Chị **Cao Thị N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 217, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Cao Thị N.**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Cao Thị N** được ly hôn với anh **Trương Đăng S**

1.2. Về con chung: Giao cháu **Trương Thu K**, sinh ngày 20/10/2012 cho chị **Cao Thị N** trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu **Trương Đăng Q**, sinh ngày 20/3/2008 cho anh **Trương Đăng S** trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của chị **Cao Thị N.**

3. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc của **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đ** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị **Cao Thị N** và anh **Trương Đăng S.**

4. Về án phí: Chị **Cao Thị N** phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.737.500đồng, hoàn trả cho chị **Cao Thị N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.437.500đồng (*Năm triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009255 ngày 28/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân **thị trấn Đ** số tiền tạm ứng án phí là: 13.238.000đồng (*Mười ba triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001684 ngày 27/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng